

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2174/TTr-SXD ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc ban hành Quy định quản lý dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2018 và thay thế Quyết định số 60/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định phân cấp quản lý và thực hiện dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải; Trưởng Ban Quản lý

Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 4;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

binhht_QDUB_079

28

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

~~KT~~ CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng

QUY ĐỊNH

Quản lý dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 34 /2018/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định quản lý dịch vụ công ích liên quan đến lĩnh vực thực hiện dịch vụ công ích đô thị và thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã), các chủ đầu tư và các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có các hoạt động liên quan đến thực hiện dịch vụ công ích đô thị và thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Danh mục dịch vụ công ích

1. Dịch vụ nạo vét duy trì hệ thống thoát nước đô thị.

2. Dịch vụ duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn trang trí và đèn tín hiệu giao thông đô thị.

3. Dịch vụ duy trì cây xanh, công viên đô thị.

4. Dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn, vệ sinh công cộng đô thị.

5. Dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 3. Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán

1. Phương pháp lập dự toán thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 1, Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị.

2. Khối lượng của từng loại công tác dịch vụ công ích được xác định theo kế hoạch thực hiện do UBND cấp huyện phê duyệt đối với cấp huyện; đối với các sở, ban, ngành tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là UBND tỉnh) giao nhiệm vụ chủ đầu tư, tiến hành lập và phê duyệt kế hoạch làm cơ sở lập dự toán chi phí dịch vụ công ích.

3. Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ công ích

a) Đối với dự toán chi phí thực hiện dịch vụ công ích trên địa bàn huyện, thành phố giá trị từ 15,0 tỷ đồng trở lên hoặc các sở, ban, ngành tỉnh được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư:

Chủ đầu tư lập dự toán và đề xuất phương thức cung ứng dịch vụ công ích trên địa bàn gửi Sở Xây dựng thẩm định trước ngày 01 tháng 9 hàng năm (hoặc trước ngày 01 tháng 9 năm trước năm tổ chức đấu thầu).

Trên cơ sở kết quả thẩm định, chủ đầu tư trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán và phương thức cung ứng dịch vụ công ích.

b) Đối với dự toán chi phí thực hiện dịch vụ công ích trên địa bàn huyện, thành phố giá trị dưới 15,0 tỷ đồng:

Chủ đầu tư lập dự toán và đề xuất phương thức cung ứng dịch vụ công ích trên địa bàn trình Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố (gọi tắt là Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện) thẩm định trước ngày 01 tháng 9 hàng năm (hoặc trước ngày 01 tháng 9 năm trước năm tổ chức đấu thầu).

Trên cơ sở kết quả thẩm định, chủ đầu tư trình UBND cấp huyện phê duyệt dự toán và phương thức cung ứng dịch vụ công ích.

4. Thời gian thẩm định và phê duyệt

Thời gian thẩm định dự toán không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Thời gian phê duyệt dự toán không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 4. Lựa chọn phương thức cung ứng dịch vụ công ích

Việc lựa chọn phương thức cung ứng dịch vụ công ích thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau:

1. Đấu thầu

a) Đấu thầu được áp dụng cho các gói thầu thuộc danh mục quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 2 của Quy định này;

b) Điều kiện thực hiện phương thức đấu thầu:

Trường hợp cung ứng dịch vụ công ích đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 10 Chương II Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thì thực hiện theo phương thức đấu thầu và Điều 82, Điều 83 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

2. Đặt hàng

a) Áp dụng các gói thầu thuộc danh mục quy định tại Khoản 5 Điều 2 của Quy định này;

b) Áp dụng trong trường hợp các gói thầu thuộc danh mục quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 2 quy định này không đáp ứng được các điều kiện đấu thầu và có từ 02 đơn vị cung ứng dịch vụ công ích (còn gọi là nhà thầu) trở lên đủ điều kiện theo quy định đề xuất tham gia gói thầu theo hình thức đặt hàng thì ưu tiên lựa chọn nhà thầu thực hiện dịch vụ công ích theo giá đặt hàng tự nguyện giảm giá cao nhất theo quy định của địa phương thì Chủ đầu tư thực hiện theo phương thức đặt hàng và chịu trách nhiệm;

c) Đảm bảo điều kiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP.

Điều 5. Tổ chức thực hiện các dịch vụ công ích

1. Căn cứ quyết định phê duyệt dự toán, đối với các huyện, thành phố, các sở, ban, ngành tỉnh sử dụng nguồn ngân sách tỉnh, chủ đầu tư liên hệ Sở Tài chính tham mưu, trình UBND tỉnh giao dự toán để triển khai thực hiện; đối với việc sử dụng nguồn ngân sách huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tham mưu, trình UBND cấp huyện giao dự toán để triển khai thực hiện.

2. Sau khi có quyết định giao dự toán thực hiện cung ứng dịch vụ công ích, UBND các huyện, thành phố hoặc các sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ liên quan tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ công ích theo quy định hiện hành.

3. Công tác nghiệm thu khối lượng, chất lượng dịch vụ công ích được tổ chức định kỳ theo quy định, hoặc đột xuất theo hợp đồng đã được ký kết. Nghiệm thu đảm bảo đúng thực tế, đúng thời điểm, kịp thời và đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

4. Việc tạm ứng, thanh toán, quyết toán hợp đồng cung ứng dịch vụ công ích thực hiện theo hợp đồng đã được ký kết và theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng dịch vụ công ích

1. Đối với các dịch vụ công ích có tính chất thường xuyên

a) Trường hợp đấu thầu: Thời gian thực hiện tối đa 03 (ba) năm, phân chia chi tiết từng năm làm cơ sở thanh, quyết toán theo niên độ ngân sách;

b) Trường hợp đặt hàng: Thời gian thực hiện tối đa 12 (mười hai) tháng và phù hợp với niên độ ngân sách.

2. Đối với các dịch vụ công ích có tính chất không thường xuyên: UBND cấp huyện quyết định thời gian thực hiện gói thầu phù hợp với quy mô, tính chất của từng gói thầu.

3. Thời gian hoàn thành quy trình lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ công ích chậm nhất ngày 31 tháng 12 hàng năm (hoặc trước ngày 31 tháng 12 năm trước năm tổ chức đấu thầu).

Điều 7. Xử lý các trường hợp phát sinh khối lượng thực hiện dịch vụ công ích

1. Đối với dự toán chi phí dịch vụ công ích trên địa bàn huyện, thành phố giá trị từ 15,0 tỷ đồng trở lên hoặc các sở, ban, ngành tỉnh được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư sử dụng ngân sách do UBND tỉnh cân đối thì chủ đầu tư lập dự toán, trình thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 của Quy định này và tổ chức lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ công ích theo quy định để triển khai thực hiện.

2. Đối với dự toán chi phí dịch vụ công ích trên địa bàn huyện, thành phố giá trị dưới 15,0 tỷ đồng thì UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 3 của Quy định này và tổ chức lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ công ích theo quy định để triển khai thực hiện.

3. Thời gian lập, trình thẩm định, phê duyệt dự toán thực hiện tại thời điểm phát sinh khối lượng, công việc.

Chương II **PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VỀ QUẢN LÝ** **THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH**

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Thực hiện công tác quản lý nhà nước về quản lý và thực hiện dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn chủ đầu tư, các cơ quan được giao quản lý vốn ngân sách cho công tác dịch vụ công ích trong việc quản lý chi phí dịch vụ công ích.

3. Hướng dẫn việc áp dụng, vận dụng các định mức, đơn giá dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan lập, trình UBND tỉnh ban hành sau khi lấy ý kiến thống nhất Bộ Xây dựng đối với những định mức chưa có hoặc không phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh so với quy định trong hệ thống định mức dự toán dịch vụ công ích do Bộ Xây dựng ban hành.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan lập, trình UBND tỉnh ban hành đơn giá dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh.

6. Chủ trì thẩm định dự toán chi phí dịch vụ công ích theo Điểm a Khoản 3 Điều 3 của Quy định này.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức ký hợp đồng và thực hiện các dịch vụ công ích do UBND các huyện, thành phố và các sở, ban, ngành được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư nhằm đảm bảo việc sử dụng vốn ngân sách đúng quy định, đạt hiệu quả.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp Sở Xây dựng trong việc hướng dẫn chế độ chính sách thuộc lĩnh vực dịch vụ công ích và tham mưu xây dựng những định mức.
2. Tham mưu UBND tỉnh giao dự toán thực hiện các dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh theo quy định.
3. Phê duyệt quyết toán thực hiện dịch vụ công ích theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của đơn vị cung ứng dịch vụ công ích

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ công ích theo đúng hợp đồng đã ký kết, đảm bảo quy trình kỹ thuật và chất lượng theo quy định.
2. Lập kế hoạch thực hiện dịch vụ công ích và thỏa thuận với UBND cấp huyện hoặc các đơn vị được giao làm chủ đầu tư trước khi triển khai.
3. Lập sổ nhật ký theo dõi thực hiện dịch vụ công ích hàng tháng, quý, năm làm cơ sở chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, giám sát và nghiệm thu.
4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về đảm bảo an toàn lao động và an toàn giao thông trong quá trình thực hiện các dịch vụ công ích.
5. Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý đô thị, giữ gìn, bảo vệ tài sản nhà nước trong quá trình cung ứng dịch vụ công ích.
6. Chấp hành việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng của UBND huyện, thành phố trong quá trình thực hiện cung ứng các dịch vụ công ích. Phản ánh kịp thời với các cơ quan chức năng thuộc UBND cấp huyện, Sở Xây dựng những tồn tại khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dịch vụ công ích trên địa bàn.
7. Đối với đơn vị dịch vụ công ích thực hiện gói thầu quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 2 của Quy định này phải đảm bảo các điều kiện theo quy định Điều 18 và Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.
8. Thống nhất với chính quyền địa phương (xã, phường, thị trấn) để quy định cụ thể về vị trí, địa điểm, thời gian thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

Chương III PHÂN CẤP QUẢN LÝ VỀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Điều 11. Các sở, ban, ngành tỉnh được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư

1. Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện dịch vụ công ích thuộc phạm vi quản lý.
2. Lập dự toán và lựa chọn phương thức thực hiện dịch vụ công ích trình cơ quan quản lý nhà nước thẩm định, phê duyệt, giao dự toán thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Quy định này.

3. Sau khi cấp có thẩm quyền giao dự toán cung ứng, tổ chức lựa chọn và ký hợp đồng thực hiện dịch vụ công ích với đơn vị cung ứng dịch vụ công ích theo Điều 4 của Quy định này.

4. Thỏa thuận kế hoạch thực hiện dịch vụ công ích với đơn vị cung ứng dịch vụ công ích trước khi triển khai để làm cơ sở quản lý, giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm.

5. Quản lý, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng cả về quy trình, khối lượng, thời gian và chất lượng đối với các dịch vụ công ích do tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn được giao quản lý.

Điều 12. UBND cấp huyện

1. Trình cấp có thẩm quyền giao dự toán thực hiện các dịch vụ công ích có sử dụng nguồn ngân sách tỉnh trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Phê duyệt quyết toán thực hiện dịch vụ công ích theo quy định.

3. Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện dịch vụ công ích trên địa bàn quản lý.

4. Giao phòng, ban chuyên môn (hoặc UBND xã đối với dịch vụ công ích liên quan chất thải rắn sinh hoạt) làm chủ đầu tư tổ chức lập dự toán và phương thức thực hiện dịch vụ công ích trình cơ quan quản lý nhà nước thẩm định, phê duyệt, giao dự toán thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Quy định này.

5. Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định và giao dự toán chi phí dịch vụ công ích, giao dự toán thực hiện các dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh theo quy định Điểm b Khoản 3 Điều 3 của Quy định này.

6. Sau khi cấp có thẩm quyền giao dự toán cung ứng, tổ chức lựa chọn và ký hợp đồng thực hiện dịch vụ công ích với đơn vị cung ứng dịch vụ công ích theo Điều 4 của Quy định này.

7. Quản lý, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng cả về quy trình, khối lượng, thời gian và chất lượng đối với các dịch vụ công ích do tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn được giao quản lý.

8. Thỏa thuận kế hoạch thực hiện dịch vụ công ích với đơn vị cung ứng dịch vụ công ích trước khi triển khai để làm cơ sở quản lý, giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm.

9. Tổ chức tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của người dân về chấp hành và thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, các quy định của địa phương về vệ sinh môi trường đô thị.

Điều 13. UBND cấp xã

1. Tổ chức tuyên truyền sâu, rộng và thường xuyên về công tác vệ sinh môi trường đô thị để xây dựng đô thị xanh, sạch, đẹp và văn minh. Chỉ đạo các ấp, khu phố đưa nội dung chấp hành quy định về vệ sinh môi trường đô thị vào các cuộc họp thường xuyên của ấp, khu phố.

2. Phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ công ích để thống nhất quy định thời gian, địa điểm đổ rác, dụng cụ đựng rác thải sinh hoạt trên địa bàn, đảm bảo vệ sinh và mỹ quan đô thị.

3. Thỏa thuận kế hoạch thực hiện dịch vụ công ích với đơn vị cung ứng dịch vụ công ích trước khi triển khai để làm cơ sở quản lý, giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm.

4. Kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về vệ sinh môi trường đô thị trên địa bàn.

5. Phản ánh, báo cáo UBND các huyện, thành phố những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dịch vụ công ích trên địa bàn.

6. Tham gia công tác nghiệm thu các sản phẩm dịch vụ công ích trên địa bàn khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung liên quan đến thực hiện dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Tây Ninh không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng

